

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KHANG MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KHANG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANG MINH INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHANG MINH INTRA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107625163

**3. Ngày thành lập:** 05/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

A14-TT19, khu đô thị Văn Quán, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916886688

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi                                                                                                                                                                                                        | 4931     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                           | 4932     |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312     |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập dự toán xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;                                                                                                     | 7110     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng | 4329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4661        |
| 10. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6619        |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ loại cốm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4210        |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.<br>- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV | 4290        |
| 17. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911        |
| 18. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100(Chính) |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 20. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7912        |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7920        |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>chi tiết:<br>Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5510        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>chi tiết:<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663        |

|     |                                                                                                                                                    |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 24. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: MAI VĂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038085000226

Ngày cấp: 01/06/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKDL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 503, tháp B, chung cư CT1-CT2, khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P605, nhà A3, làng quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MAI VĂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038085000226

Ngày cấp: 01/06/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKDL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 503, tháp B, chung cư CT1-CT2, khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P605, nhà A3, làng quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội